CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Số : 173 /TB-TCHC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Khánh Hòa , ngày 13 tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
DN: C=VN, S=Khánh Hòa, L=Tp.Nha Trang, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4200444916
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2017-04-13 15:31:05

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016

I. Thông tin chung :

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang.
- Giấy chứng nhập đăng ký doanh nghiệp: 4200444916
- Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 37.041.000.000 đồng
- Địa chỉ: 84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại: (058) 3523 863
- Số fax: (058) 3523 863
- Website: www.urenconhatrang.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân của công ty gồm 02 công ty hoạt động độc lập là Công ty Dịch vụ Công cộng thành phố Nha Trang và công ty công viên Cây xanh Khánh Hòa.

- Ngày 08/03/2001 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 746A/2001/QĐ-UB hợp nhất Công ty Công viên Cây xanh Khánh Hòa và Công ty Dịch vụ Công cộng Thành phố Nha Trang thành Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang.

- Ngày 29/06/2010 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1695/QĐ-UBND chuyển đổi Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang. Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200444916 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010.

- Ngày 17/07/2012 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1721/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang.

- Công ty Cổ phần môi trường đô thị Nha Trang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số 4200444916 do sở Kế Hoạch và đầu tư

tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010, đăng kí thay đổi lần thứ 1 ngày 31/12/2014.

- Hiện nay để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh Công ty đã đăng ký bổ sung thêm một số ngành nghề và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200444916 do sở Kế Hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 22/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/01/2017.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh :

STT	Tên ngành
01	Thu gom rác thải không độc hại
02	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hoả táng, điện táng.
03	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
04	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây
05	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh
06	Trồng cây hàng năm khác
07	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
08	Xây dựng công trình công ích
09	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
10	Lắp đặt hệ thống điện
11	Bảo dưỡng, sửa chữa ôtô và xe có động cơ khác
12	Thoát nước và xử lý nước thải
13	Thu gom rác thải độc hại
14	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
15	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại
16	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
17	Phá dỡ
18	Chuẩn bị mặt bằng

19	Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp
20	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
21	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh
22	Vận tải hành khách đường bộ khác . Chi tiết : Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu
23	- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)

Địa bàn kinh doanh : Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

- Mô hình quản trị :

MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

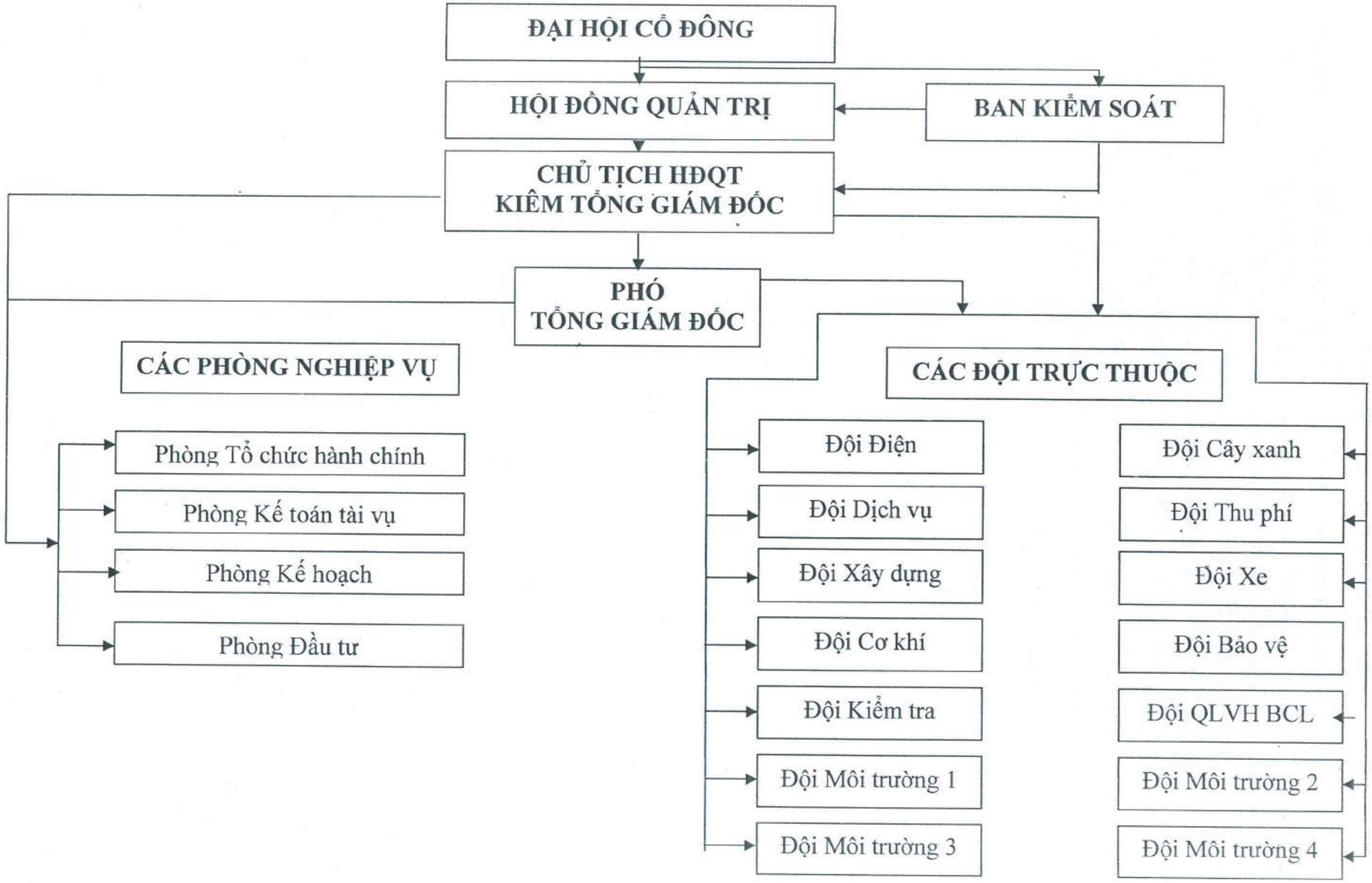

4. *Định hướng phát triển*

** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:*

Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Khai thác và sử dụng hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị hiện có, đầu tư thêm trang bị thêm cở sở vật chất trang thiết bị đáp ứng yêu cầu SXKD đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh.

**Chiến lược phát triển trung và dài hạn :*

Ổn định và mở rộng ngành nghề kinh doanh, phát huy lợi thế đã có như lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường và xử lý rác thải.

Bảo đảm tốt lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cổ đông và đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

**Công tác Tổ chức quản lý sản xuất:*

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện công tác quản lý, điều hành từng công việc sản xuất.

- Định mức kinh tế kỹ thuật các thành phần công việc, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu.

- Phân bố hợp lý con người, phương tiện và công cụ dụng cụ sản xuất.

**Công tác Dự án đầu tư:*

Bám sát Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua các dự án đầu tư nhằm tiếp tục nâng cao năng lực về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đấu thầu:

- Đã thực hiện mua 02 xe ép rác chuyên dùng 14 m3 (7 tấn) giá trị 3,71 tỷ đồng. Nguyên do : hiện nay tổng số lượng xe của công ty đang quản lý và điều hành là 22 xe ôtô ép chở rác, các xe hiện tại đã sử dụng lâu năm, đời xe thấp nhất sản xuất năm 1997 và đời cao nhất sản xuất năm 2012. Các xe hoạt động trong ca công tác thường xuyên bị hư hỏng do xe hoạt động liên tục đã cũ, phải sửa chữa thường xuyên, trong ngày để kịp thời phục vụ công tác. Dẫn đến tình trạng chi phí sửa chữa tăng cao, mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã ban hành rất nhiều văn bản chỉ đạo quản lý để nhằm hạn chế tối đa tình trạng hư hỏng. Khi các xe bị hư hỏng vào sửa chữa thì thời gian trung tu (25 ngày) và đại tu (45 ngày) dẫn đến tình trạng không đủ xe phục vụ công tác hàng ngày.

Lượng rác thải cần vận chuyển ra khỏi thành phố ngày càng tăng, trong các năm trước chỉ dao động từ 280 tấn đến 320 tấn. Hiện nay lương rác tăng cao giao động từ 450 tấn đến 480 tấn, riêng các ngày lễ, tết lượng rác tăng lên gấp 2,3 lần.

Hàng ngày thời giờ làm việc của người lao động lái xe phải thực hiện công việc từ 12 giờ đến 15 giờ/ca công tác.

Mặc khác, ngày 21/12/2016 UBND thành phố Nha Trang ban hành công văn số 7471/UBND-VP về việc đảm bảo chất lượng phục vụ, thu gom vận chuyển rác ra khỏi thành phố. Yêu cầu công ty thực hiện :

- Sửa chữa, trung tu các xe ôtô ép chở rác cũ của Công ty để tránh tình trạng rơi vãi rác, đổ nước rỉ rác ra đường trong quá trình vận chuyển.

- Cân đối từ nguồn vốn của Công ty bổ sung xe ép chở rác mới để đảm bảo thu gom, vận chuyển rác thích hợp, kịp thời, nhanh chóng ra khỏi thành phố không gây ô nhiễm môi trường, làm mất mỹ quan đô thị và hạn chế tình trạng rơi vãi rác, đổ nước rỉ rác ra đường trong quá trình vận chuyển.

- Đang thực hiện mua sắm 01 xe ôtô tải nhỏ 500kg giá trị khoản 289 triệu đồng. Hiện nay do tốc độ phát triển của thành phố ngày càng tăng về mọi mặt nên các nhu cầu về trồng bổ sung, thay thế cây hoa cảnh đường phố ngày càng tăng. Đây là lợi thế tốt cho công ty mở rộng sản xuất kinh doanh, thi công các công trình xây dựng cơ bản về trồng bổ sung, thay thế cây hoa cảnh đường phố trên địa bàn thành phố Nha Trang. Theo đó để cơ động trong việc vận chuyển phân, đất và hoa trang trí trong địa hình nhỏ hẹp vườn ươm thuộc đội Cây xanh để kịp thời với nhu cầu công việc.

**Công tác tài chính và kiểm soát chi phí, công nợ:*

-Tiếp tục xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát các nguồn tiền một cách hiệu quả nhất để góp phần gia tăng lợi nhuận của công ty.

- Kiểm soát nợ phải thu, trong hạn, quá hạn.

**Công tác Nhân sự – Tiền lương:*

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc công ty.

- Thành lập các Xí nghiệp để phân công, phân cấp quản lý.

- Phối hợp các Phòng chức năng của Công ty tổ chức các Hội nghị thường niên của Công ty như: Đại hội cổ đông, Hội nghị người lao động, …

**Công tác khác:*

- Phát huy và đẩy mạnh các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện chính sách tiết kiệm, động viên cá nhân tập thể tham gia sáng kiến cải tiến kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phối hợp các tổ chức Đảng, Đoàn thể xây dựng văn hóa công ty trên nền tảng "Đoàn kết, sáng tạo và phát triển", đồng thời chăm lo thường xuyên tới đời sống CBCNV trong công ty tạo môi trường làm việc chủ động sáng tạo văn minh và ổn định lâu dài.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT năm 2017.

- Công tác Kiểm tra an toàn, Bảo hộ lao động, Phòng chống cháy nổ.

5. Các rủi ro:

- Giá dịch vụ đầu vào của công ty không tăng mà còn có xu hướng giảm do đấu thầu dịch vụ công ích đô thị, chi phí của công ty lại tăng do các chế độ cho người lao động đều tăng: Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp tăng do đóng trên thu nhập, Tiền lương trả cho người lao động tăng theo lương tối thiểu vùng. Các Tổ thu gom rác tự quản sẽ phát sinh thêm.

- Không có chế tài đối với những trường hợp không đóng phí vệ sinh, mức phí tăng hàng năm nên rất khó thu.

- Trình độ tay nghề của lực lượng lao động tuy đã từng bước được nâng cao và hoàn thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc.

II. Tình hình hoạt động trong năm :

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016:

Bám sát các mục tiêu quan trọng đã được Đại hội cổ đông thông qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực cụ thể.

Với những thuận lợi trong nhiều năm tổ chức và hình thành Công ty như :

- Thành phố Nha Trang là Trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh Khánh Hòa, là điểm du lịch lớn của cả nước với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Vì vậy dịch vụ công ích đô thị được UBND tỉnh Khánh Hòa và UBND thành phố Nha Trang quan tâm ưu ái đặt hàng cho công ty.

- Công ty được hình thành từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang nên đã có thương hiệu, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, có đội ngũ công nhân lành nghề.

- Phương tiện vận tải toàn bộ là xe chuyên dùng như : xe ép rác, xe bồn tưới cây, xé sàn cát biển, xe hút bụi ...

- Sự đoàn kết, quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao của ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên.

*Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu: 157,7 tỷ tăng 13,7 tỷ đồng, tỷ lệ 109,57%

- Chi phí: 148,06 tỷ tăng 8,93 tỷ đồng , tỷ lệ 106,42%

Tốc độ tăng doanh thu (109,57%) cao hơn tốc độ tăng chi phí (106,42%), trong năm có một số công tác ghi nhận doanh thu bằng chi phí vì thành phố cấp kinh phí như dạng thu hộ, chi hộ:

+ Bảo vệ bờ biển

+ Tổ tự quản

+ Vật tư sửa chữa điện chiếu sáng công cộng

+ Đất mua lấp rác bãi chôn lấp.

* Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2016	TH 2016	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	143,9	157,7	109,57
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	139,12	148,06	106,42
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,8	9,6	200,1
4	Cổ tức	%	4,38	8,62	196,78

2. *Tổ chức nhân sự :*

- Danh sách Ban Điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2016	
			Số lượng	Tỉ lệ
I	**Hội đồng Quản trị**			
1	Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch	3.704.100	61,74
2	Nguyễn Thành Tây	Thành viên	3.900	0,065
3	Ngô Văn Đừng	Thành viên	3.100	0,052
4	Phan Ngọc Thanh	Thành viên		
II	**Ban Kiểm soát**			
1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	700	0,012
2	Lương Hải Thiện	Thành viên	500	0,008
3	Nguyễn Hùng	Thành viên		
III	**Kế toán trưởng**			
1	Nguyễn Hùng Thanh	Kế toán trưởng	1.600	0,027

- Sơ yếu lý lịch của Ban điều hành :

Họ và tên : **Hồ Ngọc Ân**

Chức vụ hiện tại : Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: 29 tháng 5 năm 1963 Giới tính: Nam

Quê quán: Phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký thường trú: 01[A] đường Đồng Nai, tp Nha Trang, t.Khánh Hòa
Nơi ở hiện nay: 01[A] đường Đồng Nai, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 220043025
Ngày cấp: 20/8/2015 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa
Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân luật
Lý luận chính trị: Cử nhân Chính trị

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
- 26/3/1981- 23/6/1981	Đi nghĩa vụ quân sự tại Đơn vị A7, C3, D7, E93 QK5 Đăk Lăk.
- 23/6/1981- 06/9/1983	Chuyển công tác về Đơn vị E719, F333, QK5 Đăk Lăk. Xuất ngũ ngày 06/9/1983, cấp bậc: Trung sĩ, chức vụ: Tiểu Đội trưởng Vệ binh.
- 10/1983 - 09/1989	Được tuyển dụng về công tác tại cơ quan Thanh tra thành phố Nha Trang (làm cán bộ).
- 10/1989 - 02/2004	Công tác tại Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Nha Trang, chức vụ: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.
- 03/2004 – 05/2009	Luân chuyển về công tác tại UBND phường Ngọc Hiệp, thành phố Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND phường Ngọc Hiệp.
- 06/2009 – 12/2014	Về công tác tại Phòng Nội vụ thành phố Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Bí thư Chi Bộ - Trưởng Phòng Nội vụ thành phố Nha Trang.
- 01/01/2015 - nay	Về công tác tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang, chức vụ: Thành ủy viên, Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang.

Họ và tên : **Nguyễn Thành Tây**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: 13 tháng 6 năm 1962 Giới tính: Nam

Quê quán: Tổ 15 Vĩnh Điềm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 15 Vĩnh Điềm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: Tổ 15 Vĩnh Điềm Thượng, Xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 220092654

Ngày cấp: 22/01/2008 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Kỹ sư nông nghiệp

Lý luận chính trị: Cao cấp Chính trị

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
1990 -1994	Công tác tại Hợp tác xã Nông nghiệp Kinh doanh Tổng hợp Vĩnh Hiệp với các chức vụ cán bộ kỹ thuật, phó chủ nhiệm, Trưởng ban kiểm soát, Phó bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản HCM Xã Vĩnh Hiệp
1995 đến nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ chuyên viên Phòng Kế hoạch, Đội trưởng Đội quản lý công viên cây xanh; Trưởng phòng kế hoạch; Trưởng phòng Tổ chức hành chính; Phó Bí thư chi bộ; Thành viên Hội đồng quản trị; Phó Tổng Giám Đốc; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cơ sở. Ủy viên Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam Thành phố Nha Trang

Họ và tên : **Ngô Văn Đừng**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc

Ngày, tháng, năm sinh: ngày 22 tháng 5 năm 1965 Giới tính : Nam

Quê quán : Phú Ân Nam 4, Diên An, Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: Phú Ân Nam 4, Diên An, Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225028957

Ngày cấp: 01/10/2008, Nơi cấp:Công An Khánh Hòa

Trình độ văn hóa : 12/12

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
1983 đến 2001	Công tác tại Công ty dịch vụ công cộng Nha Trang với công việc Nhân viên bảo vệ
2005 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Đội phó, Phụ trách đội vệ sinh công cộng, Quyền Đội trưởng MT 1, Quyền Đội trưởng MT3, Đội Phó Đội Môi trường 4, thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên : **Nguyễn Thành Phú**

Chức vụ hiện tại: Trưởng ban Kiểm soát

Ngày, tháng, năm sinh: 10 tháng 8 năm 1980 Giới tính: Nam

Quê quán: Thôn Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: Thôn Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225160619

Ngày cấp: 16/4/2013 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Tài chính ngân hàng

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2006 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Chuyên viên Phòng Kế toán tài vụ, Kiểm soát viên, Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Lương Hải Thiện**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày, tháng, năm sinh: 01 tháng 10 năm 1986 Giới tính: Nam

Quê quán : 48 Điện Biên Phủ, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: 48 Điện Biên Phủ, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225299664

Ngày cấp: 08/7/2009 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Kế toán kiểm toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2009 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Chuyên viên Phòng Kế toán tài vụ, Phó trưởng Phòng kế hoạch, thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **Nguyễn Hùng Thanh**

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Ngày, tháng, năm sinh: 01 tháng 04 năm 1972 Giới tính: Nam

Quê quán : Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Nơi ở hiện nay: 43/6 Quang Trung, Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Số CMND/ Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân: 225104717

Ngày cấp: 19/01/2015 Nơi cấp : Công An Tỉnh Khánh Hòa

Chuyên môn, nghiệp vụ: Cử nhân Kinh tế , Thạc sỹ Kinh Tế

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Làm công việc, giữ chức vụ, cấp bậc gì? tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nào? ở đâu?
2004 đến nay	Công tác tại Công ty Môi trường Đô thị Nha Trang với các chức vụ Phó trưởng phòng Phụ trách Phòng Kế toán tài vụ, Kế toán trưởng

- Những thanh đổi trong ban điều hành :

Ngày 31/12/2015 ông Nguyễn Đăng Vinh, thành viên Hội đồng quản trị có đơn xin ra khỏi hội đồng quản trị gởi về văn phòng Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang. "Căn cứ tại điểm b, mục 4, Điều 26 Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty" ông Vinh không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị. Và tiến hành đưa ra Đại Hội cổ đông sắp tới để tiến hành bãi nhiệm theo đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên :

Tổng số CBCNV – người lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2016 là : 911 người

3. *Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:*

Với yêu cầu tăng cường năng lực đột phá về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đấu thầu. Ban Tổng Giám đốc Công ty căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất và Điều lệ tổ chức hoạt động trong năm 2016 tiến hành đầu tư, mua sắm hình thành tài sản cố định như sau:

- Xe nâng chở xe cải tiến Thaco ollin 800A: 632.367.274 đồng

- Nhà vệ sinh di động đôi : 71.454.545 đồng

- Xe ép rác chuyên dụng 79C-10542 và xe 79C-10628 (02 chiếc): 3.388.054.545 đồng

- Lắp dựng khung thép đỡ treo chậu hoa ống thu nước mái vòm, lắp đặt bi chứa nhà vệ sinh và hệ thống tưới nhỏ giọt khu Hòn Xện: 767.488.410 đồng

- Khoang giếng khai thác nước ngầm phục vụ sinh hoạt và tưới cây khu vực Hòn Xện : 96.500.000 đồng

- Cần cẩu xe nâng người làm việc trên cao : 168.400.000 đồng

4. *Tình hình tài chính :*

a. Kết quả về hoạt động tài chính của Công ty đã được kiểm toán.

Chỉ tiêu	Năm 2016
Tổng giá trị tài sản:	124.964.808.500
Tài sản ngắn hạn:	81.948.434.264
- Tiền và các khoản tương đương tiền	48.160.908.503
- Các khoản phải thu ngắn hạn	31.474.197.194
- Hàng tồn kho	1.688.458.749
- Tài sản ngắn hạn khác	624.869.818
Tài sản dài hạn:	43.016.374.236
- Tài sản cố định	41.334.021.105
- Tài sản dở dang dài hạn	19.081.818
- Tài sản dài hạn khác	1.663.271.313
Doanh thu thuần:	157.285.345.487
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.	9.951.687.314
Lợi nhuận khác	(287.826.743)
Lợi nhuận trước thuế	9.663.860.571
Lợi nhuận sau thuế	7.602.680.988

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn	1,54
+ Hệ số thanh toán nhanh TS ngắn hạn – hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,51
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,45
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,82
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho bình quân	79,50
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời +Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	0,05
+Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,12
+Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06
+Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,06

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 6.000.000 cổ phần

Trong đó :

- Cổ phần chuyển nhượng tự do : 5.910.900 cổ phần
- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 89.100 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa	3.704.100	61,74
2	Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Du lịch Tường Nhàn	1.511.300	25,19
3	Người lao động trong công ty	784.600	13,07
Cộng		**6.000.000**	**100,00**

6. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a. Số lượng lao động : 911 người

Mức lương trung bình đối với người lao động : 7.000.000 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :

Công ty tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, CPCĐ cho người lao động đầy đủ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động

c. Hoạt động đào tạo người lao động :

Trong năm 2017 Công ty tiếp tục tổ chức cho người lao động tham gia học tập An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và lớp đào tạo trồng hoa, chăm sóc cây xanh .

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :*

Năm 2016, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang với sự nỗ lực của CBCNV toàn công ty, sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của ban Tổng giám đốc, công ty đã vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh như trên là một thành công lớn.

- Doanh thu: 157,7 tỷ tăng 13,7 tỷ đồng, tỷ lệ 109,57%
- Chi phí: 148,06 tỷ tăng 8,93 tỷ đồng , tỷ lệ 106,42%

Tốc độ tăng doanh thu (109,57%cao hơn tốc độ tăng chi phí (106,42%), trong năm có một số công tác ghi nhận doanh thu bằng chi phí vì thành phố cấp kinh phí như dạng thu hộ, chi hộ:

+ Bảo vệ bờ biển

+ Tổ tự quản

+ Vật tư sửa chữa điện chiếu sáng công cộng

+ Đất mua lấp rác bãi chôn lấp.

2. *Tình hình tài chính :*

a. Tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2016:

Tổng cộng tài sản:	**124.964.808.500 đồng**
+ Tài sản ngắn hạn:	81.948.434.264 đồng
+ Tài sản dài hạn:	43.016.374.236 đồng
Tổng cộng nguồn vốn:	**124.964.808.500 đồng**
+ Nợ phải trả:	56.342.031.087 đồng
+ Nguồn vốn chủ sỡ hữu:	68.622.777.413 đồng

b. Kết quả sản xuất kinh doanh:

+ Tổng doanh thu và thu nhập:	157.725.467.579 đồng
+ Giá vốn và chi phí phân bổ:	148.061.607.008 đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	9.663.860.571 đồng
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.061.179.583 đồng
+ Lợi nhuận sau thuế:	7.602.680.988 đồng

c. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính năm 2016:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016
1	**Hệ số bảo toàn vốn** (Vốn CSH kỳ này/ Vốn CSH kỳ trước)	1,06
2	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**	
	Khả năng thanh toán ngắn hạn (TSNH/nợ ngắn hạn)	1,54
	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK/nợ ngắn hạn)	1,51
3	**Chỉ tiêu về cơ cấu Vốn – Tài sản**	
	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,45
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,82
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**	
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,05
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,06
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	0,12

Căn cứ số liệu trên báo cáo tài chính cho thấy:

- Hệ số bảo toàn vốn: Vốn chủ sở hữu kỳ này tăng 1,06 lần so với kỳ trước như vậy Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

- Khả năng thanh toán: Chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,54 lần, khả năng thanh toán nhanh đạt 1,51 lần có thể đảm bảo thanh toán được các khoản nợ đến hạn.

- Chỉ tiêu về cơ cấu Vốn – tài sản: Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu hiện có lớn hơn nợ phải trả thể hiện công ty đảm bảo được nguồn vốn chi trả, đảm bảo được sự độc lập về tài chính.

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Bình quân 1 đồng doanh thu tạo ra 0,05 đồng lợi nhuận, chỉ tiêu (ROA): bình quân cứ 1 đồng tài sản được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra được 0,06 đồng lợi nhuận; chỉ tiêu (ROE): bình quân cứ 01 đồng vốn đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra 0,12 đồng lợi nhuận.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*:

Xuất phát từ tình hình thực tế và sự cấp bách, cần sự quyết đoán trong công việc của Công ty, Hội đồng quản trị công ty đã đề ra một số giải pháp thay đổi về công tác tổ chức, quản trị như sau:

Ban hành sửa đổi, bổ sung các Nội quy, quy chế gồm :

- Nội Quy Lao động
- Thỏa ước Lao động tập thể
- Quy chế trả lương
- Quy chế Khen thưởng
- Quy chế Nâng bậc lương
- Quy chế Tổ chức tiếp công dân
- Quy chế Chi tiêu Nội bộ
- Quy chế thực hiện dân chủ.
- Quy chế tổ chức, hoạt động thu phí vệ sinh công cộng

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

Năm 2016 là năm khó khăn, đầu vào của công ty không tăng mà còn có xu hướng giảm do đấu thầu dịch vụ công ích đô thị, đầu ra của công ty lại tăng do các chế độ của người lao động thực hiện hiện theo quy định của nhà nước. Mục tiêu doanh thu 143,9 tỷ và lợi nhuận trước thuế 4,8 tỷ của kế hoạch năm 2016 là một thách thức vô cùng to lớn cho Ban lãnh đạo và CBCNV toàn công ty. Và các chế độ cho người lao động đều tăng: Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp tăng do đóng trên thu nhập, Tiền lương trả cho người lao động tăng theo lương tối thiểu vùng. Các Tổ thu gom rác tự quản sẽ phát sinh thêm.

Tuy nhiên với những lợi thế, thuận lợi, năng lực đã có như lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường chất lượng ngày càng cao, yên tâm trong công tác đấu

thầu. Nguồn nhân lực có kinh nghiệm, chế độ đãi ngộ tốt, môi trường làm việc thuận lợi, thân thiện và ổn định lâu dài.

Do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 :

* Công tác Tổ chức quản lý sản xuất:

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện công tác quản lý, điều hành từng công việc sản xuất.

- Định mức kinh tế kỹ thuật các thành phần công việc, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu.

- Phân bố hợp lý con người, phương tiện và công cụ dụng cụ sản xuất.

* Công tác Dự án đầu tư:

Nhằm tiếp tục nâng cao năng lực về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đấu thầu, Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ trình thông qua Hội đồng quản trị các dự án đầu tư trong thẩm quyền

* Công tác tài chính và kiểm soát chi phí, công nợ:

-Tiếp tục xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát các nguồn tiền một cách hiệu quả nhất để góp phần gia tăng lợi nhuận của công ty.

- Kiểm soát nợ phải thu, trong hạn, quá hạn.

* Công tác Nhân sự – Tiền lương:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc công ty.

- Thành lập các Xí nghiệp để phân công, phân cấp quản lý.

- Phối hợp các Phòng chức năng của Công ty tổ chức các Hội nghị thường niên của Công ty như: Đại hội cổ đông, Hội nghị người lao động, …

* Công tác khác:

- Phát huy và đẩy mạnh các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện chính sách tiết kiệm, động viên cá nhân tập thể tham gia sáng kiến cải tiến kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

- Phối hợp các tổ chức Đảng, Đoàn thể xây dựng văn hóa công ty trên nền tảng "Đoàn kết, sáng tạo và phát triển", đồng thời chăm lo thường xuyên tới đời sống CBCNV trong công ty tạo môi trường làm việc chủ động sáng tạo văn minh và ổn định lâu dài.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT năm 2016.

- Công tác Kiểm tra an toàn, Bảo hộ lao động, Phòng chống cháy nổ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :*

Năm 2016, bám sát các mục tiêu quan trọng đã được Đại hội cổ đông lần thứ nhất thông qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực cụ thể.

Với những thuận lợi trong nhiều năm tổ chức và hình thành Công ty như :

- Thành phố Nha Trang là Trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh Khánh Hòa, là điểm du lịch lớn của cả nước với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Vì vậy dịch vụ công ích đô thị được UBND tỉnh Khánh Hòa và UBND thành phố Nha Trang quan tâm ưu ái đặt hàng cho công ty.

- Công ty được hình thành từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang nên đã có thương hiệu, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị, có đội ngũ công nhân lành nghề.

- Phương tiện vận tải toàn bộ là xe chuyên dùng như : xe ép rác, xe bồn tưới cây, xé sàn cát biển, xe hút bụi ...

- Sự đoàn kết, quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao của ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên.

- Không có chế tài đối với những trường hợp không đóng phí vệ sinh, mức phí tăng hàng năm nên rất khó thu.

- Trình độ tay nghề của lực lượng lao động tuy đã từng bước được nâng cao và hoàn thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của công việc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Năm 2016, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang đi vào hoạt động nên khó khăn và thách thức không thể tránh khỏi, với nỗ lực của CBCNV toàn công ty, sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của ban Tổng giám đốc, công ty đã vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh như trên là một thành công lớn.

- Doanh thu: 157,7 tỷ tăng 13,7 tỷ đồng, tỷ lệ 109,57%

- Chi phí: 148,06 tỷ tăng 8,93 tỷ đồng , tỷ lệ 106,42%

Tốc độ tăng doanh thu (109,57%) cao hơn tốc độ tăng chi phí (106,42%), trong năm có một số công tác ghi nhận doanh thu bằng chi phí vì thành phố cấp kinh phí như dạng thu hộ, chi hộ:

+ Bảo vệ bờ biển

+ Tổ tự quản

+ Vật tư sửa chữa điện chiếu sáng công cộng

+ Đất mua lấp rác bãi chôn lấp.

Với yêu cầu tăng cường năng lực đột phá về chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và uy tín thực hiện dịch vụ công ích đô thị để tiến tới đấu thầu. Ban Tổng Giám đốc Công ty căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất và Điều lệ tổ chức hoạt động trong năm 2016 tiến hành đầu tư, mua sắm hình thành tài sản cố định như sau:

- Xe nâng chở xe cải tiến Thaco ollin 800A: 632.367.274 đồng

- Nhà vệ sinh di động đôi : 71.454.545 đồng

- Xe ép rác chuyên dụng 79C-10542 và xe 79C-10628 (02 chiếc): 3.388.054.545 đồng

- Lắp dựng khung thép đỡ treo chậu hoa ống thu nước mái vòm, lắp đặt bi chứa nhà vệ sinh và hệ thống tưới nhỏ giọt khu Hòn Xện: 767.488.410 đồng

- Khoang giếng khai thác nước ngầm phục vụ sinh hoạt và tưới cây khu vực Hòn Xện : 96.500.000 đồng

- Cần cẩu xe nâng người làm việc trên cao : 168.400.000 đồng

V. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị :

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2016	
			Số lượng	Tỉ lệ
I	**Hội đồng Quản trị**			
1	Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch	3.704.100	61,74
2	Nguyễn Thành Tây	Thành viên	3.900	0,065
3	Ngô Văn Đừng	Thành viên	3.100	0.052
4	Phan Ngọc Thanh	Thành viên		

b. Các hoạt động của Hội đồng quản trị :

Nét nổi bật về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2016

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng , năng động

- Chăm lo, phê duyệt điều chỉnh lương và thu nhập cho Ban Tổng Giám đốc và người lao động, tạo nên sự an tâm công tác gắn bó với Công ty

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho công ty.

Năm 2016 Hội đồng quản trị công ty đã họp và thông qua các nội dung:

- Thông qua việc ông Nguyễn Đăng Vinh không còn tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị "Căn cứ tại điểm b, mục 4, Điều 26 Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty". Ông Vinh gởi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty. Và tiến hành đưa ra Đại Hội cổ đông sắp tới để tiến hành bãi nhiệm theo đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị để tiến đến báo cáo trước Đại hội cổ đông công ty.

- Thông qua báo cáo Tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2015 và phương hướng, mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016.

- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2015 và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Tiến đến trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

-. Thuê tư vấn tổ chức Đại hội Cổ đông : lựa chọn Công ty DAS

- Thông qua các quy chế gồm :

- Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ chủ chốt công ty

- Quy chế mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ, dịch vụ , tài sản khác

- Quy chế Cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và chức năng, nhiệm vụ, phối hợp các phòng nghiệp vụ của Công ty.

- Thông qua chương trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang

-Quyết định dự án đầu tư trong thẩm quyền :

- Mua sắm 02 xe ép rác chuyên dụng, nhãn hiệu HINO 14,5 m^3 (7 tấn) phục vụ công tác vận chuyển rác thải.

- Mua sắm 01 xe tải THACO OLLIN 800A vận chuyển xe đẩy tay thu gom rác tại các trục đường chính phục vụ khu vực Phía Bắc thành phố Nha Trang

- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016

- Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016

- Thông qua sửa đổi Điều lệ để lấy ý kiến Đại Hội đồng cổ đông bằng văn bản.

-Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 người để lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản

- Đối với ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị để lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản giao cho Công ty thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của đảng, pháp luật hiện hành để tiến hành đề cử người ứng cử vào Hội đồng quản trị

-Thông qua việc đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg.

- Đối với việc chi quỹ thưởng hội đồng quản trị năm 2015: 49.236.000 đồng thực hiện chia đều cho các thành viên Hội đồng quản trị công ty.

- Phê duyệt quỹ lương kế hoạch của người quản lý công ty :

Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2016 : 930.480.000 đồng

Quỹ tiền lương thực hiện : Nếu lợi nhuận tăng 100 đồng thì tiền lương của người quản lý công ty tăng thêm không quá 3,25 đồng.

- Giao Ban Kiểm soát để xuất đơn vị kiểm toán cho Công ty trên cơ sở Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên và đơn vị tư vấn việc đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg đề xuất Hội đồng quản trị công ty quyết định.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cới tư cách quan sát viên.

2. *Ban Kiểm soát:*

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát :

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2016	
			Số lượng	Tỉ lệ
II	**Ban Kiểm soát**			
1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	700	0,012
2	Lương Hải Thiện	Thành viên	500	0,008

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2016, Ban kiểm soát được mời và Ban đã bố trí thời gian tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Đại diện Ban đã nghe và tham gia đóng góp nhiều ý kiến trong các cuộc họp để định hướng cho Công ty vừa đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, vừa thực hiện đúng Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần. Ngoài ra, Ban cũng đã trao đổi, thảo luận giữa các thành viên trong Ban để thống nhất ý kiến bằng hình thưc họp hoặc điện thoại.

- Về công tác thẩm tra báo cáo tài chính: Qua thẩm tra báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016, Ban kiểm soát nhận thấy:

+ Tất cả mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định liên quan, đảm bảo quản lý vốn an toàn, hợp lý, thực hiện đầy đủ các khoản thu chi minh bạch, rõ ràng. Ban không phát hiện trường hợp nào bất thường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc ban hành đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và có nội dung phù hợp với chủ trương, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

+ Công tác quản lý tài chính: Báo cáo tài chính đúng biểu mẫu, việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đầy đủ, trung thực, kịp thời đúng quy định Công ty, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo quyết toán năm 2016 đã được kiểm toán.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát :*

a. Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị năm 2016 :

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao / tháng (đồng)	Thù lao năm 2016 (đồng)
1	Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	60.000.000
2	Nguyễn Thành Tây	Thành viên HĐQT	4.000000	48.000.000
3	Phan Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT	4.000000	48.000.000
4	Ngô Văn Đừng	Thành viên HĐQT	4.000000	48.000.000
	Tổng cộng			**204.000.000**

b. Báo cáo thù lao Ban kiểm soát năm 2016 :

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao / tháng (đồng)	Thù lao năm 2016 (đồng)
1	Nguyễn Thành Phú	Trưởng BKS	4.000.000	48.000.000
2	Lương Hải Thiện	Thành viên BKS	3.000000	36.000.000
3	Nguyễn Hùng	Thành viên BKS	3.000000	36.000.000

	Tổng cộng			**120.000.000**

c. Báo cáo thù lao Thư ký công ty năm 2016 :

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao / tháng (đồng)	Thù lao năm 2016- (đồng)
1	Bùi Thế Tân	Thư ký công ty	2.000.000	24.000.000
	Tổng cộng			**24.000.000**

d. Báo cáo mức lương của Tổng Giám đốc năm 2016:

STT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương / tháng (đồng)	Tiền lương năm 2016 (đồng)
1	Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	34.064.500	408.774.000
	Tổng cộng			**408.774.000**

đ. Báo cáo tiền thưởng của Tổng Giám đốc năm 2016 :

STT	Họ tên	Chức danh	Tiền thưởng Tết âm lịch Bính Thân 2016 (đồng)	Tiền thưởng ngày lễ 30/4 và 01/5 (đồng)
1	Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.500.000	500.000

VI. Báo cáo tài chính :

1. *Ý kiến kiểm toán :*

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Nha Trang theo Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 17 tháng 07 năm 2012 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26 tháng 05 năm 2015 về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 06/05/2016 về việc đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại 84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200444916 Điện thoại: (058) 3523 863 Fax: (058) 3523 863

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm của báo cáo này (từ trang 6 đến trang 35).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	***Chức vụ***	***Ngày bổ nhiệm***	***Ngày miễn nhiệm***
Ông Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch	26/12/2014	
Ông Nguyễn Thành Tây	Thành viên	26/12/2014	
Ông Ngô Văn Đừng	Thành viên	26/12/2014	
Ông Phan Ngọc Thanh	Thành viên	26/12/2014	
Ông Nguyễn Đăng Vinh	Thành viên	26/12/2014	25/04/2016

Ban Kiểm soát

Họ và tên	***Chức vụ***	***Ngày bổ nhiệm***	***Ngày miễn nhiệm***
Ông Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	26/12/2014	
Ông Lương Hải Thiện	Thành viên	26/12/2014	
Ông Nguyễn Hùng	Thành viên	26/12/2014	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	***Chức vụ***	***Ngày bổ nhiệm***	***Ngày miễn nhiệm***
Ông Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	01/01/2015	
Ông Nguyễn Thành Tây	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2015	
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Kế toán trưởng	01/01/2015	

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Hồ Ngọc Ân - Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc khẳng định Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

HỒ NGỌC ÂN
Tổng Giám đốc
Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Số: _____/2017/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông , Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác và Báo cáo kiểm toán của công ty này đề ngày 07 tháng 07 năm 2016 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
CHI NHÁNH NHA TRANG

Nguyễn Thịnh
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0473-2013-099-1

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Điền Văn Châu
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0074-2014-099-1

Mẫu B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**81.948.434.264**	**79.937.204.975**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**48.160.908.503**	**39.716.192.221**
1. Tiền	111		48.160.908.503	39.716.192.221
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**31.474.197.194**	**38.343.999.764**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	29.693.776.000	33.706.136.100
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	150.123.200	95.123.200
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.630.297.994	4.542.740.464
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.688.458.749**	**1.794.240.044**
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.688.458.749	1.794.240.044
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**624.869.818**	**82.772.946**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	89.681.728	67.474.027
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		535.188.090	15.298.919
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**43.016.374.236**	**47.026.775.654**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**41.334.021.105**	**43.980.753.487**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	**41.334.021.105**	**43.980.753.487**
Nguyên giá	222		*91.820.876.719*	*85.879.393.785*
Giá trị hao mòn lũy kế	223		*(50.486.855.614)*	*(41.898.640.298)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**19.081.818**	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	19.081.818	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.663.271.313**	**3.046.022.167**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.663.271.313	3.046.022.167
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**124.964.808.500**	**126.963.980.629**

Mẫu B 01 – DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**56.342.031.087**	**62.023.700.349**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**53.208.083.848**	**58.576.358.386**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	3.673.642.925	851.982.495
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.685.374.813	3.361.612.687
4. Phải trả người lao động	314	V.12	33.986.035.372	42.942.421.964
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	2.978.339.587	2.878.625.757
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	6.595.403.827	5.775.455.936
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	313.394.724	313.394.724
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.961.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	14.892.600	2.452.864.823
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**3.133.947.239**	**3.447.341.963**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	3.133.947.239	3.447.341.963
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Mẫu B 01 – DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**68.622.777.413**	**64.940.280.280**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.18	**68.121.952.988**	**63.461.810.376**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*60.000.000.000*	*60.000.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		519.272.000	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.602.680.988	3.461.810.376
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.602.680.988	3.461.810.376
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		**500.824.425**	**1.478.469.904**
1. Nguồn kinh phí	431	V.19	500.824.425	1.478.469.904
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**124.964.808.500**	**126.963.980.629**

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Thủy	**Nguyễn Hùng Thanh**	**Hồ Ngọc Ân**
Người lập biểu	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Mẫu B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính:VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	157.330.354.487	139.236.687.158
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	45.009.000	11.369.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		157.285.345.487	139.225.318.158
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	138.429.462.241	128.147.457.056
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.855.883.246	11.077.861.102
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	101.470.587	147.694.753
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	240.854.293	259.517.180
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		*240.854.293*	*259.517.180*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.764.812.226	6.945.327.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.951.687.314	4.020.711.192
11. Thu nhập khác	31	VI.7	338.651.505	626.800.317
12. Chi phí khác	32	VI.8	626.478.248	163.165.634
13. Lợi nhuận khác	40		(287.826.743)	463.634.683
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.663.860.571	4.484.345.875
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.061.179.583	1.022.535.499
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.602.680.988	3.461.810.376
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.267	479

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Thủy	**Nguyễn Hùng Thanh**	**Hồ Ngọc Ân**
Người lập biểu	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		**9.663.860.571**	**4.484.345.875**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V. 9	8.637.322.629	8.365.486.444
- Các khoản dự phòng	03		1.961.000.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(101.470.587)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI. 4	240.854.293	259.517.180
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		**20.401.566.906**	**13.109.349.499**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.885.101.489	4.066.131.854
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		105.781.295	(279.838.684)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.120.301.815)	11.259.252.495
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.366.036.771	1.566.190.995
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(247.059.508)	(259.517.180)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI. 13	(2.198.098.120)	(2.428.399.140)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		34.418.382.814	30.347.424.896
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(38.436.603.730)	(30.209.754.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**14.174.806.102**	**27.170.840.484**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.418.165.683)	(3.580.845.031)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		101.470.587	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		**(3.316.695.096)**	**(3.580.845.031)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(313.394.724)	(313.394.724)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.100.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		**(2.413.394.724)**	**(313.394.724)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**8.444.716.282**	**23.276.600.729**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V. 1**	**39.716.192.221**	**16.439.591.492**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngo	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**V. 1**	**48.160.908.503**	**39.716.192.221**

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Thủy	**Nguyễn Hùng Thanh**	**Hồ Ngọc Ân**
Người lập biểu	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;

- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Phòng Tổ chức Hành chính
- Phòng Kế toán tài vụ
- Phòng Đầu tư
- Phòng Kế hoạch
- Đội Môi trường 1
- Đội Môi trường 2
- Đội Môi trường 3
- Đội Môi trường 4
- Đội Cây xanh
- Đội Bảo vệ
- Đội Dịch vụ
- Đội Cơ khí
- Đội Xe
- Đội Thu phí
- Đội Kiểm tra chất lượng an toàn vệ sinh người lao động
- Đội Vận hành bãi chôn lấp Lương Hòa
- Đội Điện
- Đội Xây dựng

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 911 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 890 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

1. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 08

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 2 năm kể từ khi chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Chi phí khác

Chi phí sửa chữa xe và các chi phí khác được phân bổ trong thời gian không quá 36 tháng.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.
Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng

dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi

nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	141.912.203	20.924.229
Tiền gửi Ngân hàng bằng đồng Việt Nam	48.018.996.300	39.695.267.992
Cộng	**48.160.908.503**	**39.716.192.221**

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
UBND Thành phố Nha Trang	27.324.873.000	32.097.432.000
Các đối tượng khác	2.368.903.000	1.608.704.100
Cộng	**29.693.776.000**	**33.706.136.100**

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Khánh Ngọc	95.123.200	95.123.200
Các đối tượng khác	55.000.000	-
Cộng	**150.123.200**	**95.123.200**

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
UBND tỉnh Khánh Hòa - phải thu tiền bổ sung vốn điều lệ	-	-	4.118.671.170	
Tạm ứng;	921.300.000	-	269.876.000	-
Ký quỹ, ký cược	10.188.000	-	10.488.000	-
Các khoản khác	698.809.994	-	143.705.294	-
Tổng cộng	**1.630.297.994**	-	**4.542.740.464**	-

5. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	900.852.248	-	918.281.009	-
Công cụ, dụng cụ	335.163.150	-	407.877.766	-
Chi phí sản xuất, kinh	2.700.939	-	97.059.874	-
Thành phẩm	111.307.040	-	124.299.982	-
Hàng hóa	338.435.372	-	246.721.413	-
Cộng	**1.688.458.749**	-	**1.794.240.044**	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ dụng cụ	72.816.847	53.849.816
Chi phí bảo hiểm	16.864.881	13.624.211
Cộng	**89.681.728**	**67.474.027**

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2016	19.985.838.948	195.412.316	65.556.541.590	141.600.931	85.879.393.785
Mua trong năm	1.760.994.546	214.667.500	4.020.421.819	-	5.996.083.865
Giảm khác				(54.600.931)	(54.600.931)
Tại 31/12/2016	**21.746.833.494**	**410.079.816**	**69.576.963.409**	**87.000.000**	**91.820.876.719**
Trong đó:					
Dùng để thế chấp cầm cố đảm bảo các khoản vay	-	-	5.860.000.000	-	5.860.000.000
Đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	385.791.988	-	791.943.200	-	1.177.735.188
Chờ thanh lý	-	-	3.668.758.289	-	3.668.758.289
Tạm dừng hoạt động không tham gia vào HĐSXKD	-	-	2.021.021.000	-	2.021.021.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2016	9.296.575.981	33.388.631	32.474.769.586	93.906.100	41.898.640.298
Khấu hao trong năm	1.697.915.779	30.188.494	6.883.773.139	25.445.217	8.637.322.629
Giảm khác	-	-	-	(49.107.313)	(49.107.313)
Tại 31/12/2016	**10.994.491.760**	**63.577.125**	**39.358.542.725**	**70.244.004**	**50.486.855.614**
Trong đó:					
Dùng để thế chấp cầm cố đảm bảo các khoản vay	-	-	3.506.555.112	-	3.506.555.112
Chờ thanh lý	-	-	3.668.758.289	-	3.668.758.289
Tạm dừng hoạt động không tham gia vào HĐSXKD	-	-	1.551.931.398	-	1.551.931.398
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2016	10.689.262.967	162.023.685	33.081.772.004	47.694.831	43.980.753.487
Tại 31/12/2016	**10.752.341.734**	**346.502.691**	**30.218.420.684**	**16.755.996**	**41.334.021.105**
Trong đó:					
Dùng để thế chấp cầm cố đảm bảo các khoản vay	-	-	2.353.444.888	-	2.353.444.888
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Tạm dừng hoạt động không tham gia vào HĐSXKD	-	-	469.089.602	-	469.089.602

8.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
		31/12/2016	01/01/2016
	Công trình cải tạo bể chứa, xây dựng bể tách váng dầu mỡ, xử lý bùn nạo vét bể phốt tại bãi chôn lấp Lương Hòa	19.081.818	-
	Cộng	**19.081.818**	**-**

9.	Chi phí trả trước dài hạn		
		31/12/2016	01/01/2016
	Chi phí sửa chữa	668.782.497	483.320.017
	Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác	994.488.816	2.562.702.150
	Cộng	**1.663.271.313**	**3.046.022.167**

10.	Phải trả người bán ngắn hạn		
		31/12/2016	01/01/2016
	Công ty TNHH TM và Thiết bị môi trường Hiệp Hòa	2.597.000.000	-
	Các đối tượng khác	1.076.642.925	851.982.495
	Tổng cộng	**3.673.642.925**	**851.982.495**

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	*Phải nộp trong năm*	*Được hoàn trong năm*	*Đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế Giá trị gia tăng	1.895.775.320	9.922.238.974		(9.461.558.311)	2.356.455.983
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.465.837.367	2.061.179.583		(2.198.098.120)	1.328.918.830
Thuế Thu nhập cá nhân	(15.298.919)	522.477.860	21.418.964	(1.063.785.995)	(535.188.090)
Thuế đất và Tiền thuê đất		200.457.600		(200.457.600)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		3.000.000		(3.000.000)	-
Cộng	**3.346.313.768**	**12.709.354.017**	**21.418.964**	**(12.926.900.026)**	**3.150.186.723**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Hoạt động: duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng, dịch vụ tang lễ không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất như sau:

+ Bán cây cảnh	5%
+ Bán chậu cảnh, xây mộ, Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.15 và VI.9

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

12. Phải trả người lao động

Số dư phải trả người lao động cuối năm là quỹ lương còn lại chưa chi.

Trong đó:

	31/12/2016	01/01/2016
Quỹ lương từ hoạt động kinh doanh	24.253.772.305	23.477.895.828
Quỹ tiền lương thực hiện hợp đồng 96/2012/HĐCUDVBS (*)	9.732.263.067	19.464.526.136
Tổng cộng	**33.986.035.372**	**42.942.421.964**

(*) Quỹ tiền lương này sẽ được chi trả cho người lao động sau khi Công ty nhận được khoản thanh toán hợp đồng từ UBND Thành Phố Nha Trang. Phương án phân phối quỹ tiền lương này đang được Công ty trình Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí phải trả tiền ăn ca	663.320.000	1.418.351.000
Thuê ngoài xây mộ 02 nghĩa trang trong kỳ	636.831.456	345.583.635
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.678.188.131	1.114.691.122
Tổng cộng	**2.978.339.587**	**2.878.625.757**

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	4.270.038.148	4.423.172.148
Tài sản thừa chờ giải quyết	60.741.442	60.741.442
Kinh phí công đoàn	76.212.123	61.203.090
Phải trả Ban quản lý dự án về dự án cải thiện vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang	1.094.374.205	1.094.374.205
Thuế TNCN phải trả lại công nhân viên	582.511.544	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	511.526.365	135.965.051
Tổng cộng	**6.595.403.827**	**5.775.455.936**

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau

	Năm 2016	Năm 2015
Số đầu năm	313.394.724	313.394.724
Vay dài hạn đến hạn trả	313.394.724	313.394.724
Số tiền vay đã trả	(313.394.724)	(313.394.724)
Số cuối năm	**313.394.724**	**313.394.724**

Thông tin về khoản vay xem tại thuyết minh V.18.

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	1.842.454.690	531.034.644	79.375.489	2.452.864.823
Ngân sách thưởng	521.000.000	-	-	521.000.000
Trích quỹ	346.181.000	173.091.000	69.236.000	588.508.000
Thu hồi các khoản đã chi bằng tiền	1.739.500.000	500.000	3.000.000	1.743.000.000
Chi quỹ trong năm nay bằng tiền	(4.287.754.690)	(851.114.044)	(151.611.489)	(5.290.480.223)
Số cuối năm	**161.381.000**	**(146.488.400)**	**-**	**14.892.600**

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn như sau

	Năm 2016	Năm 2015
Số đầu năm	3.447.341.963	3.760.736.687
Kết chuyển sang nợ ngắn hạn đến hạn trả	(313.394.724)	(313.394.724)
Số cuối năm	**3.133.947.239**	**3.447.341.963**

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ tài chính và Công ty ký ngày 10/10/2011 để đầu tư cho dự án "Vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang", thời hạn vay 20 năm, lãi suất 6,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình sau:

- Xe ép rác HINO 14.5 m3- biển số 79C-082.84;
- Xe ép rác HINO 8m3-biển số 79C-083.88;
- Xe ép rác HINO 14.5 m3-biển số 79C-082.93;
- Xe ép rác HINO 8m3- biển số 79C-081.11;
- Xe ép rác HINO 8m3-biển số 79C-082.72.

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2015	**60.000.000.000**	-	-	**60.000.000.000**
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	3.461.810.376	3.461.810.376
Tại ngày 31/12/2015	**60.000.000.000**	-	**3.461.810.376**	**63.461.810.376**
Tại ngày 01/01/2016	60.000.000.000	-	3.461.810.376	63.461.810.376
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	7.602.680.988	7.602.680.988
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	519.272.000	(519.272.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(519.272.000)	(519.272.000)
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	-	-	(69.236.000)	(69.236.000)
Chi trả cổ tức trong năm	-	-	(2.100.000.000)	(2.100.000.000)
Số cổ tức chưa chi	-	-	(254.030.376)	(254.030.376)
Tại ngày 31/12/2016	**60.000.000.000**	**519.272.000**	**7.602.680.988**	**68.121.952.988**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa	37.041.000.000	37.041.000.000
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhàn	15.113.000.000	14.430.690.000
Các cổ đông khác	7.846.000.000	8.528.310.000
Cộng	**60.000.000.000**	**60.000.000.000**

c. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*6.000.000*	*6.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*6.000.000*	*6.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông (3,5% vốn điều lệ) với số tiền 2.100.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 25/04/2016.

19. Nguồn kinh phí

	31/12/2016	01/01/2016
Số đầu năm	1.478.469.904	54.545.259
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	32.154.382.814	30.107.306.996
Chi sự nghiệp	(33.131.989.293)	(28.357.972.251)
Giảm khác	(39.000)	(325.410.100)
Số cuối năm	**500.824.425**	**1.478.469.904**

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ:

Tài sản nhận giữ hộ của Công ty là giá trị tài sản cố định phục vụ công cộng bao gồm: hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác có Nguyên giá là: 206.796.836.726 đồng; Giá trị còn lại đến 31/12/2016 là: 40.883.235.757 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu cung cấp dịch vụ công cộng	139.523.830.071	123.525.252.585
Doanh thu cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác	17.806.524.416	15.711.434.573
Cộng	**157.330.354.487**	**139.236.687.158**

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	45.009.000	11.369.000
Cộng	**45.009.000**	**11.369.000**

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn cung cấp dịch vụ công cộng	125.852.234.695	115.675.875.091
Giá vốn cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác	12.577.227.546	12.471.581.965
Cộng	**138.429.462.241**	**128.147.457.056**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	101.470.587	147.694.753
Cộng	**101.470.587**	**147.694.753**

5.	Chi phí tài chính	Năm 2016	Năm 2015
	Chí phí lãi vay	240.854.293	259.517.180
	Cộng	**240.854.293**	**259.517.180**

6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2016	Năm 2015
	Chi phí nhân viên quản lý	5.843.599.665	3.690.862.497
	Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	349.063.166	414.895.255
	Chi phí khấu hao TSCĐ	513.816.408	474.407.552
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.265.726.468	1.511.767.469
	Các chi phí khác	792.606.519	853.394.710
	Cộng	**8.764.812.226**	**6.945.327.483**

7.	Thu nhập khác	Năm 2016	Năm 2015
	Lãi do thanh lý, nhượng bán tài sản	42.627.909	-
	Tiền bồi thường	45.658.867	434.676.951
	Thu nhập từ đền bù, giải tỏa	214.053.000	171.562.000
	Thu nhập khác	36.311.729	20.561.366
	Cộng	**338.651.505**	**626.800.317**

8.	Chi phí khác	Năm 2016	Năm 2015
	Thuế bị phạt, truy thu	23.417.149	17.928.931
	Thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	-	140.834.212
	Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	402.076.812	-
	Chi phí bồi thường, đền bù	136.545.700	-
	Chi phí khác	64.438.587	4.402.491
	Cộng	**626.478.248**	**163.165.634**

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% kể từ năm 2016 (thuế suất năm 2015 là 22%). Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.663.860.571	4.484.345.875
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản chi phí không được trừ	642.037.344	163.542.755
Tăng doanh thu tính thuế TNDN	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	10.305.897.915	4.647.888.630
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**2.061.179.583**	**1.022.535.499**

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.602.680.988	3.461.810.376
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển...	-	(588.508.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**7.602.680.988**	**2.873.302.376**
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**1.267**	**479**

(*): Số năm trước đã được điều chỉnh so với Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán do trong năm 2016 Công ty trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông. Số quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập là 588.508.000 đồng, bao gồm trích lập bổ sung quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty là 69.236.000 đồng, làm Lãi cơ bản trên cổ phiếu đang từ 490 đồng/Cổ phiếu, giảm xuống còn 479 đồng/Cổ phiếu.

11. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.753.999.972	17.617.111.799
Chi phí nhân công	100.415.685.528	85.588.687.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.637.322.629	8.365.486.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.097.756.865	16.330.256.668
Chi phí khác bằng tiền	4.408.432.748	7.611.530.407
	148.313.197.742	**135.513.072.843**

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

- Dịch vụ công cộng: bao gồm dịch vụ vệ sinh, dịch vụ cây xanh và điện chiếu sáng;

- Sản phẩm và dịch vụ khác: bao gồm sản xuất và bán cây xanh, chậu cây, các sản phẩm phục vụ mai táng, dịch vụ phục vụ mai táng, dịch vụ cho thuê bãi đổ rác thải sinh hoạt, cho thuê nhà vệ sinh di động...

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016				
	Dịch vụ công cộng	**Sản phẩm và dịch vụ khác**	**Phần quản lý chung**	**Tổng cộng**
Doanh thu thuần	139.523.830.071	17.761.515.416	-	157.285.345.487
Doanh thu tài chính	-	-	101.470.587	101.470.587
Thu nhập khác	-	-	338.651.505	338.651.505
Tổng doanh thu và Thu nhập khác	**139.523.830.071**	**17.761.515.416**	**440.122.092**	**157.725.467.579**
Giá vốn hàng bán	125.852.234.695	12.577.227.546		138.429.462.241
Chi phí tài chính			240.854.293	240.854.293
Chi phí quản lý doanh nghiệp			8.764.812.226	8.764.812.226
Chi phí khác			626.478.248	626.478.248
Tổng chi phí	**125.852.234.695**	**12.577.227.546**	**9.632.144.767**	**148.061.607.008**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**13.671.595.376**	**5.184.287.870**	**(9.192.022.675)**	**9.663.860.571**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015				
	Dịch vụ công cộng	Sản phẩm và dịch vụ khác	Phần quản lý chung	Tổng cộng
Doanh thu thuần	123.525.252.585	15.700.065.573	-	139.225.318.158
Doanh thu tài chính	-	-	147.694.753	147.694.753
Thu nhập khác	-	-	626.800.317	626.800.317
Tổng doanh thu và Thu nhập khác	**123.525.252.585**	**15.700.065.573**	**774.495.070**	**139.999.813.228**
Giá vốn hàng bán	115.675.875.091	12.471.581.965		128.147.457.056
Chi phí tài chính			259.517.180	259.517.180
Chi phí quản lý doanh nghiệp			6.945.327.483	6.945.327.483
Chi phí khác			163.165.634	163.165.634
Tổng chi phí	**115.675.875.091**	**12.471.581.965**	**7.368.010.297**	**135.515.467.353**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**7.849.377.494**	**3.228.483.608**	**(6.593.515.227)**	**4.484.345.875**

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	Cổ đông nắm giữ 61,74% vốn điều lệ
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhàn	Cổ đông nắm giữ 25,19% vốn điều lệ
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của người quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa		
Hoàn trả số tiền nộp thừa thu từ cổ phần hóa	4.118.671.170	-
Kinh phí hỗ trợ công nhân trực tiếp thu dọn rác nhân dịp Tết Bính Thân 2016	521.000.000	-
		-
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhàn		
Trả cổ tức 2015	528.955.000	-

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy chế	1.078.115.152	768.000.000
Tạm ứng phát sinh trong năm	270.000.000	32.000.000
Thanh toán tạm ứng	26.340.000	277.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa	4.270.038.148	4.423.172.148

3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ phải thu, nợ phải trả và tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền gửi ngân hàng.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khách hàng lớn của Công ty là Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực công cộng cho các khách hàng này, nên rủi ro tín dụng tập trung chủ yếu vào các khách hàng này. Các khách hàng này sẽ được ngân sách cấp vốn để thanh toán cho dịch vụ Công ty và Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa được thu. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các khách hàng này là thấp.

Đối với các của các khách hàng khác, Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, nên rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp động trên cơ sở chưa chiết

khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán	851.982.495	-	-	851.982.495
Các khoản phải trả khác	5.775.455.936	-	-	5.775.455.936
Vay và nợ thuê tài chính	313.394.724	3.447.341.963		3.760.736.687
	6.940.833.155	**3.447.341.963**	**-**	**10.388.175.118**
Tại ngày 31/12/2016				
Phải trả người bán	3.673.642.925	-	-	3.673.642.925
Các khoản phải trả khác	6.595.403.827	-	-	6.595.403.827
Vay và nợ thuê tài chính	313.394.724	3.133.947.239		3.447.341.963
	10.582.441.476	**3.133.947.239**	**-**	**13.716.388.715**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình.bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2016		01/01/2016		31/12/2016	01/01/2016
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.160.909	-	39.716.192	-	48.160.909	39.716.192
Phải thu khách hàng	29.693.776	-	33.706.136	-	29.693.776	33.706.136
Phải thu khác	1.630.298	-	4.542.740	-	1.630.298	4.542.740
Cộng	**79.484.982**	**-**	**77.965.069**	**-**	**79.484.982**	**77.965.069**

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)		Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả người bán	3.673.643	851.982	3.673.643	851.982
Các khoản phải trả khác	6.595.404	5.775.456	6.595.404	5.775.456
Vay và nợ thuê tài chính	3.447.341.963	3.760.736.687	3.447.341.963	3.760.736.687
Cộng	**3.457.611.010**	**3.767.364.125**	**3.457.611.010**	**3.767.364.125**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Thủy	**Nguyễn Hùng Thanh**	**Hồ Ngọc Ân**
Người lập biểu	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Hồ Ngọc Ân